TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/KDTM-ST
Ngày 07-6-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Võ Văn Dương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia phiên Tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty Điện lực T TNHH; Địa chỉ trụ sở: Số 35, đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Đ – Giám đốc Công ty Điện lực Củ Chi; Ông Đ uỷ quyền lại cho ông Phan Văn H – Đội phó Đội quản lý thu ghi, Công ty điện lực C (Theo giấy ủy quyền số 1499/UQ-PCCCh ngày 22/9/2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH SX TM DV T; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đắc T – Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở chính và hoạt động kinh doanh: Số 39, V, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/7/2022 và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 23/4/2018, Công ty TNHH SX TM DV T (gọi tắt là Công ty T) có ký hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt với Tổng Công ty Điện lực T TNHH (gọi tắt Tổng Công ty Đ); theo hợp đồng số 18/001127, có mã số khách hàng PE09000166963, mục đích sử dụng điện: xay hạt nhựa; địa điểm sử dụng điện: Số 39, đường Võ Văn Bích, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình sử dụng điện, Công ty T còn nợ Tổng Công ty Đ khoản tiền điện theo hoá đơn các tháng như sau: Tháng 01/2020 là 12.198.705đ, tháng 02/2020 là 564.490đ, tháng 3/2020 là 6.332.677đ, tháng 4/2020 là 75.210đ, tháng 5/2020 là 248.028đ, tháng 06/2020 là 162.687đ và 01 hoá đơn phí cắt đóng điện là 124.200đ; tổng cộng là 19.705.997đ. Phía nguyên đơn đã nhiều lần thông báo và nhắc nhở thanh toán nợ nhưng phía Công ty T vẫn chưa thanh toán số tiền trên.

Nay Tổng Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty T có trách nhiệm thanh toán số tiền mua bán điện còn nợ tổng cộng là 19.705.997đ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Các bản sao y Hồ sơ pháp lý của nguyên đơn: Giấy phép hoạt động điện lực số 295/GP-SCT và 81/GP-ĐTĐL; Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc số 145/QĐ-EVN; Quyết định bổ nhiệm số 107/QĐ-HĐTV; Giấy ủy quyền số 5276/UQ-EVNHCMC, 1006/UQ-PCCCh và 1499/UQ-PCCCh; Hợp đồng mua bán điện số 18/001127; Thông báo ngừng cung cấp điện ngày 11/6/2020; Các Giấy báo tiền điện từ ngày 21/12/2019 đến ngày 18/01/2020, 19/01/2020 đến ngày 20/02/2020; Các Thông báo tiền điện ngày 21/3/2020, 21/4/2020, 21/5/2020, 21/6/2020; Photo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bị đơn.

Bị đơn Công ty T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng kinh doanh mua bán điện được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có trụ sở chính và hoạt động hinh doanh tại xã B, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị đơn là Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Tổng Công ty Điện lực T TNHH khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH SX TM DV T có trách nhiệm thanh toán số tiền mua bán điện còn nợ tổng cộng là 19.705.997đ. Tại phiên Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có cơ sở xác định: Ngày 23/4/2018, Công ty TNHH SX TM DV T có ký hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt với Tổng công ty Điện lực T TNHH theo các nội dung đã thảo thuận giữa các bên như trình bày của phía nguyên là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty T còn nợ Tổng công ty Điện lực số tiền mua bán điện và chi phí cắt điện tổng cộng là 19.705.997đ. Như vậy, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty T đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Từ những phân tích trên; Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; cần buộc Công ty Thắng Phát có trách nhiệm thanh toán cho Tổng công ty Điện lực số tiền 19.705.997đ (mười chín triệu bảy trăm lẽ năm nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 430, Điều 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Điện lực T TNHH về việc yêu cầu Công ty TNHH SX TM DV T thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 19.705.997đ (mười chín triệu bảy trăm lẽ năm nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Buộc Công ty TNHH SX TM DV T có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực T TNHH số tiền 19.705.997đ (mười chín triệu bảy trăm lẽ năm nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Thi hàng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Tổng Công ty Điện lực T TNHH có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH SX TM DV T chậm thanh toán, thì hàng tháng Công ty TNHH SX TM DV T còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000đ (ba triệu đồng) buộc Công ty TNHH SX TM DV T phải nộp.

Hoàn trả lại cho Tổng Công ty Điện lực T TNHH số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0020199 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan